TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn
2. Ông Võ Từ Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 861/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1973; Địa chỉ: 333/13 đường L, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1970; Địa chỉ: 333/13 đường L, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc T tự

nguyện kết hôn năm 2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 114; Quyển số: 01/2003 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2003), bản chính giấy chứng nhận kết hôn ông T đã xé bỏ. Quá trình chung sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn, hai bên không thể nói chuyện được với nhau nên mạnh ai nấy sống, trước đây bà đã làm đơn ly hôn nhưng đã rút lại để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh T1, sinh năm 2004 và Phạm Ngọc Anh T2, sinh ngày 12/12/2007. Còn 01 trẻ vị thanh niên là Anh T2, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho ông Phạm Ngọc T để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Phạm Ngọc T vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày: Quá trình chung sống ông T gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, trước đây bà đã gửi đơn lên Tòa nhưng sau đó đã rút lại để chờ ông T thay đổi, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, nên bà xin được ly hôn với ông T, được nuôi trẻ Anh T2 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, bà và ông T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, do ông T cư trú tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà Yến có mặt. Bị đơn – ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 114; Quyển số: 01/2003 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2003 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T vì quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, trước đây bà Y đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để chờ ông T thay đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Yến, ông T không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa bà Y, ông T là trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y được ly hôn ông T để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 118; Quyển số: 01/2004 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2004 và bản sao Giấy khai sinh số: 362; Quyển số: 01/2007 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007 thì cháu Phạm Ngọc Anh T1, sinh ngày 08/8/2004 và trẻ Phạm Ngọc Anh T2, sinh ngày 12/12/2007 là con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phạm Ngọc T. Cháu Anh T1 đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết, bà Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Anh T2 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trẻ Anh T2 là trẻ gái, bà Y đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định sinh hoạt, học hành của trẻ Anh T2 và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Anh T2 là được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, quyết định giao trẻ Anh T2 cho bà Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Anh T2 do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Anh Thơ đối với ông T do bà Y không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà Y yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này bà Y, ông T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà Y trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, sau này ông T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[9] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117,118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn ông Phạm Ngọc T.

b. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh T1, sinh năm 2004 (đã thành niên) và Phạm Ngọc Anh T2, sinh ngày 12/12/2007. Giao trẻ Phạm Ngọc Anh Thơ, sinh ngày 12/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Ngọc Anh T2 đối với ông Phạm Ngọc T do bà Nguyễn Thị Ngọc Y không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Sau này nếu bà Nguyễn Thị Ngọc Yến, ông Phạm Ngọc Thăng có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Sau này nếu ông Phạm Ngọc T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc Y chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002730 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm

2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương